PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 469/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 101/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ thí điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý Tập đoàn kinh tế nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước và Nghị định số 86/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 981/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Sinh Hùng

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.

2. "Luật các Tổ chức tín dụng" là Luật Các tổ chức tín dụng số 07/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997, được sửa đổi bổ sung ngày 15 tháng 6 năm 2004 tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa 11 ngày 15 tháng 6 năm 2004.

3. "Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam" là tổ hợp doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con không có tư cách pháp nhân bao gồm: công ty mẹ là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, các công ty con, các đơn vị sự nghiệp, các công ty liên kết, các công ty tự nguyện liên kết được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Tổng công ty Cao su Việt Nam theo Quyết định số 248/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

4. "Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là công ty mẹ trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tập đoàn) có tư cách pháp nhân, hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. "Đơn vị phụ thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

6. "Đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" bao gồm: các trường đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm y tế, Tạp chí cao su và các đơn vị khác được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Danh sách đơn vị sự nghiệp tại thời điểm phê duyệt Điều lệ này được ghi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Điều lệ này.

7. "Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là Công ty hạch toán độc lập do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối hoặc nắm quyền chi phối thông qua quyền lập quy hoạch, quản lý kế hoạch sử dụng quỹ đất để khai thác phát triển trồng cao su hoặc giữ các quyền chi phối khác quy định tại khoản 14 Điều này (sau đây gọi tắt là công ty do Tập đoàn chi phối), được tổ chức dưới hình thức: Tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, công ty ở nước ngoài. Danh sách công ty con tại thời điểm phê duyệt Điều lệ này được ghi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Điều lệ này.

8. "Công ty liên kết của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là công ty, có cổ phần, vốn góp không ở mức chi phối của Tập đoàn; chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký kết giữa công ty với Tập đoàn. Danh sách công ty con tại thời điểm phê duyệt Điều lệ này được ghi tại Phụ lục III ban hành kèm theo Điều lệ này.

9. "Công ty tự nguyện liên kết với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là công ty không có cổ phần, vốn góp của Tập đoàn, nhưng tự nguyện liên kết với Tập đoàn, chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ với Tập đoàn theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận hoặc cam kết với Tập đoàn.

10. "Doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là các doanh nghiệp do Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn hoặc công ty con các cấp tiếp theo trực tiếp nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoặc nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối; giữ quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó.

11. "Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam": là doanh nghiệp thành viên, các đơn vị sự nghiệp, các công ty liên kết, các công ty tự nguyện liên kết.

12. "Vốn điều lệ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là vốn do Nhà nước đầu tư tại thời điểm thành lập được ghi tại Điều lệ này và vốn điều lệ bổ sung trong quá trình hoạt động được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

13. "Cổ phần, vốn góp chi phối của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là cổ phần hoặc vốn góp của Tập đoàn chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc một tỷ lệ khác theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

14. "Quyền chi phối của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam" là quyền quyết định đối với việc thông qua, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động hoặc nhân sự, bổ nhiệm các chức danh quản lý chủ chốt hoặc đối với công tác tổ chức quản lý, thị trường, dịch vụ, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư, định hướng lựa chọn công nghệ và những vấn đề quan trọng khác của công ty con.

15. "Người đại diện theo ủy quyền đối với cổ phần hoặc phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại công ty con, công ty liên kết" là người được Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc Tập đoàn cử để quản lý cổ phần hoặc phần vốn tại công ty con, công ty liên kết, sau đây được gọi tắt là "Người đại diện".

16. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức Tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

17. Danh từ "pháp luật" được hiểu là pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Tên và trụ sở

1. Tên gọi bằng tiếng Việt:

- TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM.

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Tên giao dịch bằng Tiếng Việt: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM.

3. Tên gọi bằng tiếng Anh: VIET NAM RUBBER GROUP, LIMITED.

4. Tên viết tắt: VRG

5. Trụ sở chính:

a) Địa chỉ: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

b) Điện thoại: (84.8) 39325235 - 39325234

c) Fax: (84.8) 39327341.

d) Email: grc-imexdept@hcm.vnn.vn.

đ) Website : www.vngeruco.com

6. Văn phòng đại diện tại Hà Nội: 56 Nguyễn Du - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 39.427.379 - Fax: (84.4) 39.427.091

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Tập đoàn

1. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.

2. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có:

a) Tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam;

b) Con dấu khắc tên Tập đoàn bằng tiếng Việt là:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

c) Tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ mở tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Biểu tượng và huy hiệu:

Vietnam Rubber Group

3. Chức năng Tập đoàn:

a) Tập đoàn được Nhà nước giao quản lý và sử dụng vốn, đất đai; là đầu mối thống nhất quy hoạch, quản lý và bố trí diện tích đất trồng cao su cho các đơn vị thành viên (trừ công ty tự nguyện liên kết);

b) Đầu tư tài chính vào các công ty con, các công ty liên kết; chi phối các công ty con theo mức độ nắm giữ vốn điều lệ của các công ty đó theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ công ty con;

c) Trực tiếp kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận theo đúng quy định của pháp luật. Các quan hệ kinh tế giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên được thực hiện thông qua hợp đồng;

d) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông tại các đơn vị thành viên;

đ) Thực hiện những công việc khác mà Nhà nước trực tiếp giao cho Tập đoàn tổ chức thực hiện;

e) Giữ vai trò trung tâm để lãnh đạo, quản lý và chi phối hoạt động của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ của các đơn

vị thành viên nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất của Tập đoàn và của từng đơn vị thành viên.

Điều 4. Mục tiêu, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Tập đoàn và vốn Tập đoàn đầu tư vào các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao;

b) Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam đa sở hữu, trong đó sở hữu Nhà nước là chi phối; có trình độ công nghệ, trình độ quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành, trong đó ngành, nghề chính là: trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến các sản phẩm công nghiệp từ mủ, gỗ cao su; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo; làm nòng cốt để ngành cao su phát triển nhanh, bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế;

c) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

2. Ngành, nghề kinh doanh

Trực tiếp sản xuất, kinh doanh và hoạt động đầu tư tài chính vào các lĩnh vực:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su; trồng rừng và sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gỗ (bao gồm cả gỗ nguyên liệu và gỗ thành phẩm);

- Tổ chức nghiên cứu, tư vấn chuyển giao kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ cây cao su và cây rừng trồng;

- Công nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su, nguyên phụ liệu ngành công nghiệp cao su.

b) Ngành, nghề kinh doanh có liên quan:

- Cơ khí: đúc, cán thép; sửa chữa, lắp ráp, chế tạo và kinh doanh các sản phẩm cơ khí và các thiết bị công nghiệp khác;

- Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản (trên cơ sở đất trồng cây cao su chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của địa phương);

- Hoạt động tài chính, tín dụng và dịch vụ tài chính;

- Công nghiệp điện: đầu tư, xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật;

- Đầu tư phát triển, tổ chức quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa và vận tải đường bộ, đường thủy;

- Sản xuất, kinh doanh: vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp;

- Cấp nước, xử lý nước thải, dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

c) Ngành, nghề kinh doanh khác:

- Các dịch vụ: đo đạc, bản đồ, thăm dò địa chất; tư vấn đầu tư, thiết kế; khoa học công nghệ, tin học, kiểm định, giám định hàng hóa; in ấn, xuất bản; đào tạo, y tế điều trị bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng; thương mại, khách sạn, du lịch, xuất khẩu lao động;

- Chăn nuôi gia súc.

Điều 5. Vốn điều lệ của Tập đoàn

Vốn điều lệ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 18.574.000.000.000 đồng (Mười tám nghìn, năm trăm bảy mươi tư tỷ đồng).

Việc điều chỉnh vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Tập đoàn đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

Điều 6. Chủ sở hữu của Tập đoàn

Nhà nước là chủ sở hữu đối với Tập đoàn. Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tập đoàn, Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện một số quyền của chủ sở hữu.

Điều 7. Đại diện theo pháp luật của Tập đoàn

Người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Tập đoàn.

Điều 8. Quản lý Nhà nước đối với Tập đoàn

Tập đoàn chịu sự quản lý của các cơ quan nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tập đoàn

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tập đoàn hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Tập đoàn hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tập đoàn tạo điều kiện để tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tập đoàn hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TẬP ĐOÀN

Mục 1
QUYỀN CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 10. Quyền đối với tài sản

1. Chiếm hữu, sử dụng vốn và tài sản của Tập đoàn để kinh doanh, đầu tư, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Tập đoàn.

2. Định đoạt đối với vốn, tài sản của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

3. Được sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Tập đoàn để đầu tư ra ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Quản lý và sử dụng các tài sản, nguồn lực được Nhà nước giao hoặc cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên để đầu tư phát triển Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam theo mục tiêu, chiến lược phát triển chung của Nhà nước. Tập đoàn được Nhà nước giao đất để thống nhất quản lý, bố trí quy hoạch, phát triển diện tích trồng cao su cho các đơn vị thành viên (trừ công ty tự nguyện liên kết) nằm trong cơ cấu Tập đoàn phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy tối đa mọi lợi thế của Tập đoàn trong sản xuất, kinh doanh và hợp tác quốc tế theo quy hoạch chung của ngành.

5. Nhà nước không điều chuyển vốn do Nhà nước đầu tư tại Tập đoàn và vốn, tài sản của Tập đoàn theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại Tập đoàn hoặc thực hiện mục tiêu ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công ích.

6. Được Nhà nước bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm thương hiệu, các sáng chế, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi, xuất xứ, hàng hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Tập đoàn có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Tập đoàn, quyết định giá trị thương hiệu, theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các quyền khác về vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền kinh doanh và tổ chức kinh doanh

1. Chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh, kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

2. Kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực quy định trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước và ngoài nước và ký kết hợp đồng; quyết định việc phối hợp các nguồn lực, hợp tác kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn theo nhu cầu của thị trường.

4. Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Tập đoàn, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá thì theo mức giá hoặc khung giá do Nhà nước quy định.

5. Quyết định việc mở rộng quy mô kinh doanh; quyết định việc phối hợp các nguồn lực, hợp tác kinh doanh của Tập đoàn với các đơn vị thành viên.

6. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và Điều lệ này, sử dụng vốn, tài sản của Tập đoàn để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác trong nước và ngoài nước; đầu tư tài chính trong nước và ngoài nước theo đúng các quy định của pháp luật.

7. Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và áp dụng đối với tập đoàn kinh tế nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Sử dụng phần vốn nhà nước thu về từ cổ phần hóa, nhượng bán một phần hoặc toàn bộ vốn mà Tập đoàn đã đầu tư ở đơn vị phụ thuộc, công ty con hoặc công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

9. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị phụ thuộc tập đoàn; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của Tập đoàn ở trong nước và ở nước ngoài; việc tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con dẫn đến mất quyền chi phối của Tập đoàn, việc tổ chức các công ty con thành tổng công ty hoạt

động theo hình thức công ty mẹ - công ty con theo quy định của pháp luật, sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

10. Cùng với các công ty con và các nhà đầu tư khác thành lập mới công ty con hoặc công ty liên kết trong nước và ngoài nước dưới các hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài với mức cổ phần, vốn góp của Tập đoàn vào mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn theo quy định của pháp luật. Trường hợp sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thì phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

11. Quyết định thuê một phần hoặc toàn bộ công ty khác; mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác với mức vốn đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; tiếp nhận công ty khác tự nguyện tham gia liên kết với tập đoàn.

12. Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

13. Quyết định tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất, kinh doanh và các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công.

14. Được quan hệ, hợp tác với các đối tác nước ngoài, quyết định cử đại diện làm việc tại nước ngoài; cán bộ, công nhân, nhân viên đi công tác, học tập, tham quan khảo sát ở nước ngoài theo phân công của chủ sở hữu và quy định của pháp luật.

15. Có các quyền sản xuất, kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền về tài chính

1. Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu công ty; vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Tập đoàn. Trường hợp Tập đoàn huy động vốn để chuyển đổi sở hữu phải được sự đồng ý của chủ sở hữu và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc vay vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và phải có ý kiến đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm định phê duyệt của Bộ Tài chính.

2. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Tập đoàn theo quy định của pháp luật và phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực kinh doanh chính.

3. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu theo quy định của pháp luật.

4. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Tập đoàn.

5. Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn, được thực hiện một lần với mức thưởng tối đa không quá mức hiệu quả của sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư và chi phí mang lại trong một năm theo quy định của pháp luật.

6. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền chủ sở hữu đối với phần vốn đã đầu tư vào các công ty con và các doanh nghiệp khác.

7. Không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận thu được từ phần vốn góp vào các công ty con và doanh nghiệp khác nếu các công ty con và doanh nghiệp này đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trước khi chia lãi cho các bên góp vốn và không bị các hình thức đánh thuế trùng (hai lần) và gộp khác.

8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

9. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính, phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia và sử dụng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tập đoàn còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được tăng lương, trích thưởng cho công nhân viên của Tập đoàn, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn.

10. Được thành lập các quỹ tài chính tập trung để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chính theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc thành lập và sử dụng các quỹ này được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn.

11. Được quyền điều chuyển tài sản của công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ theo nguyên tắc thanh toán, giá thanh toán phải được sự chấp thuận của bên có tài sản điều chuyển và bên nhận tài sản điều chuyển theo nguyên tắc bảo toàn vốn và quy định của pháp luật.

12. Quyết định giá sàn các sản phẩm mủ cao su và gỗ cao su để các đơn vị thành viên áp dụng phù hợp với các quy định của pháp luật.

13. Được bảo lãnh, thế chấp và tín chấp để công ty con vay vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

14. Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền tham gia hoạt động công ích

1. Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên cơ sở đấu thầu. Đối với hoạt động công ích theo đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước thì công ty mẹ có nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định.

2. Đối với nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao, Tập đoàn được bảo đảm điều kiện vật chất tương ứng.

Đối với các sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đấu thầu thì Tập đoàn tự bù đắp chi phí theo giá trúng thầu.

Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thì Tập đoàn được sử dụng phí hoặc doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo đặt hàng của Nhà nước để bù đắp chi phí hợp lý phục vụ hoạt động công ích và bảo đảm lợi ích cho người lao động. Trường hợp không đủ thì được Nhà nước cấp bù phần chênh lệch.

3. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 14. Các quyền khác của Tập đoàn

1. Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn được thực hiện phương thức chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hóa là đầu ra của doanh nghiệp này nhưng là đầu vào của doanh nghiệp khác trong Tập đoàn.

2. Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn có quyền tham gia đấu thầu thực hiện các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn tại các công ty con khác trong Tập đoàn.

3. Tập đoàn được quyền quyết định thang lương, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý trên cơ sở quy định về lương tối thiểu của Nhà nước, trừ các chức danh là Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc. Tập đoàn được tự chủ quyết định đơn giá tiền lương theo nguyên tắc tốc độ tăng tiền lương bình quân thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tiền lương.

4. Tập đoàn thống nhất quản lý đất được Nhà nước giao để phát triển cây cao su, việc bố trí cho các doanh nghiệp thành viên sản xuất phải theo quy hoạch sử dụng đất được Chính phủ phê duyệt. Tập đoàn chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, đảm bảo quyền kinh doanh, khai thác, sử dụng đất của các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2
NGHĨA VỤ CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 15. Nghĩa vụ về vốn và tài sản

1. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn và vốn Tập đoàn tự huy động.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số tài sản của Tập đoàn.

3. Định kỳ đánh giá lại tài sản của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ trong kinh doanh

1. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Tập đoàn của người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ và báo cáo theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu.

5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

6. Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Tập đoàn trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

7. Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

8. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nghĩa vụ về tài chính

1. Tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi; kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đầu tư do chủ sở hữu nhà nước giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả: vốn kinh doanh, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các công ty con và các doanh nghiệp khác; tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê.

3. Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khi Nhà nước yêu cầu.

4. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Tập đoàn.

5. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả của Tập đoàn.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác về tài chính theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính và quy định khác của pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích

1. Cung ứng dịch vụ công ích do Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo đúng đối tượng, giá và phí mà Nhà nước quy định.

2. Nhận nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng và giao lại một phần hoặc toàn bộ nhiệm vụ công ích cho công ty con thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Tập đoàn; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do Tập đoàn trực tiếp thực hiện và cung ứng.

4. Cung cấp đủ số lượng sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo đúng chất lượng, đúng đối tượng và đúng thời gian.

5. Thực hiện các nghĩa vụ công ích khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI TẬP ĐOÀN

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tập đoàn

1. Quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với Tập đoàn bao gồm:

a) Quyết định thành lập mới, cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu Tập đoàn;

b) Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và hàng năm, ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn;

c) Phê duyệt Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Tập đoàn;

d) Quyết định đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của Tập đoàn;

đ) Quyết định việc đầu tư, góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết theo thẩm quyền; phê duyệt chủ trương vay, cho vay, thuê, cho thuê của Tập đoàn;

e) Quy định chế độ tài chính đối với Tập đoàn, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Tập đoàn;

g) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

Chấp thuận để Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc Tập đoàn;

h) Quy định chế độ tiền lương, phụ cấp lương, tiền thưởng, quyết định mức lương, phụ cấp lương đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên;

i) Quy định chế độ đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ, mức giá bán, mức bù chênh lệch để thực hiện sản xuất, cung ứng các sản phẩm và dịch vụ công ích;

k) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, thực hiện các quyết định của chủ sở hữu và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

2. Chủ sở hữu nhà nước có các nghĩa vụ sau đây đối với Tập đoàn:

a) Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Tập đoàn;

b) Thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ Tập đoàn liên quan đến chủ sở hữu;

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn điều lệ của Tập đoàn;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi quyết định dự án đầu tư; phê duyệt chủ trương mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê theo thẩm quyền;

đ) Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm theo pháp luật của Tập đoàn; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của Tập đoàn;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tập đoàn

1. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tập đoàn và phần vốn nhà nước tại Tập đoàn như sau:

a) Quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu Tập đoàn theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến của các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;

b) Phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam trong từng giai đoạn theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn, thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Phê duyệt mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn, theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn, thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;

d) Phê duyệt Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn, thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;

đ) Quyết định cơ chế đặc thù của ngành cao su theo đề nghị của Hội đồng thành viên, ý kiến của các Bộ liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động đối với Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn, ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và thẩm định của Bộ Tài chính;

g) Phê duyệt các dự án đầu tư của Tập đoàn, các dự án đầu tư ra ngoài Tập đoàn thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư;

h) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ;

i) Chấp thuận để Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn và ý kiến thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

k) Chấp thuận để Hội đồng thành viên của Tập đoàn quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của Tập đoàn ở trong nước và ở nước ngoài; việc góp vốn đầu tư vào công ty khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của Tập đoàn, việc tổ chức các công ty con thành tổng công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con theo quy định của pháp luật;

l) Quy định giá bán, mức bù chênh lệch cho Tập đoàn khi tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích;

m) Yêu cầu Tập đoàn báo cáo thường xuyên hoặc đột xuất các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính của Tập đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

n) Cho phép Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn;

o) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ: quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu Tập đoàn; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn;

b) Thẩm định: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn; mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm; ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn; Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên Tập đoàn trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Có ý kiến cùng các ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ: quyết định đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của Tập đoàn; các cơ chế đặc thù của ngành cao su; chấp thuận để Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của công ty con do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ, các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của Tập đoàn ở trong nước và ở ngoài nước, việc góp vốn đầu tư vào công ty khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của Tập đoàn, việc tổ chức công ty con thành tổng công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên Tập đoàn;

đ) Quyết định xếp lương, nâng lương, phụ cấp lương đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn;

e) Chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định, phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Tập đoàn; có ý kiến để Bộ Tài chính phê duyệt việc vay vốn ở nước ngoài của Tập đoàn;

g) Giao chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm cho Tập đoàn và giám sát, đánh giá việc thực hiện theo quy định của pháp luật;

h) Theo dõi, kiểm tra, giám sát và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Điều lệ này; kịp thời phát hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp và quản lý của Nhà nước đối với Tập đoàn;

i) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn để Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm hoặc chấp thuận để bổ nhiệm;

k) Chấp thuận để thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn;

l) Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Bộ quản lý ngành theo quy định của pháp luật;

m) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật và phân cấp, phân công của chủ sở hữu.

3. Bộ Tài chính:

a) Thẩm định để Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Tập đoàn; thực hiện việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn;

c) Có ý kiến để Thủ tướng Chính phủ: quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, đa dạng hóa sở hữu Tập đoàn; phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn; Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam; các cơ chế đặc thù của ngành cao su; chấp thuận để Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn

điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của công ty con do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ, các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của Tập đoàn ở trong nước và ở ngoài nước, việc góp vốn đầu tư vào công ty khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của Tập đoàn, việc tổ chức công ty con thành tổng công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

d) Thẩm định, phê duyệt việc vay vốn ở nước ngoài của Tập đoàn theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm; thẩm định phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Tập đoàn;

e) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của chủ sở hữu.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Có ý kiến để Thủ tướng Chính phủ: quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, đa dạng hóa sở hữu Tập đoàn; phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn; mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn; ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn; Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam; các cơ chế đặc thù của ngành cao su, việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Tập đoàn; chấp thuận để Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của công ty con do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ, các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của Tập đoàn ở trong nước và ở ngoài nước, việc góp vốn đầu tư vào công ty khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của Tập đoàn, việc tổ chức công ty con thành tổng công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm; thẩm định phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Tập đoàn.

5. Bộ Nội vụ:

a) Thẩm định về quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Có ý kiến khi Hội đồng thành viên Tập đoàn trình Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam.

6. Kiểm soát viên Tập đoàn: Tập đoàn có 3 Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật. Kiểm soát viên Tập đoàn hoạt động theo quy định của pháp luật về Kiểm soát viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

7. Hội đồng thành viên Tập đoàn được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này.

Điều 21. Quản lý, giám sát, đánh giá của chủ sở hữu nhà nước đối với Tập đoàn

1. Nội dung quản lý, giám sát của chủ sở hữu nhà nước đối với Tập đoàn thông qua giám sát Tập đoàn bao gồm:

a) Quản lý, giám sát công tác tổ chức và cán bộ, bao gồm: việc tổ chức, thành lập, gia nhập, tổ chức lại, giải thể Tập đoàn; quá trình thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con dẫn đến chuyển thành doanh nghiệp có vốn dưới mức chi phối của Tập đoàn; việc thực hiện Điều lệ Tập đoàn; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Hội đồng thành viên Tập đoàn;

b) Quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, bao gồm: mục tiêu, phương hướng, chiến lược kinh doanh của Tập đoàn; kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính của Tập đoàn; danh mục đầu tư, các ngành, nghề kinh doanh chính và các ngành, nghề không

có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; đầu tư vào lĩnh vực, ngành, nghề, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro; nhiệm vụ hoạt động công ích;

c) Quản lý, giám sát tài chính: việc bảo toàn và phát triển vốn; tình hình và kết quả hoạt động tài chính; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; hiệu quả đầu tư và kinh doanh; chi phí tiền lương; vay, nợ và khả năng thanh toán nợ; vốn điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ, thay đổi cơ cấu vốn điều lệ; các dự án đầu tư vượt quá mức phân cấp cho Tập đoàn.

2. Phân công thực hiện nội dung giám sát quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Bộ Tài chính giám sát, đánh giá hoạt động tài chính, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn; giám sát việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên; chi phí tiền lương; giám sát việc vay vốn đầu tư vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán; giám sát việc chuyển dịch vốn, đầu tư và các nguồn lực bên trong Tập đoàn và giữa trong và ngoài Tập đoàn; theo dõi báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giám sát Tập đoàn thực hiện quy định tốc độ tăng tiền lương bình quân thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động;

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giám sát danh mục đầu tư, các ngành, nghề kinh doanh chính và ngành, nghề có liên quan; đánh giá về cơ cấu ngành, nghề chính và ngành, nghề có liên quan; theo dõi đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý tại Tập đoàn; đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu về nhân lực lãnh đạo quản lý đối với ngành, nghề kinh doanh chính và ngành, nghề có liên quan;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, giám sát việc thành lập doanh nghiệp mới, tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp khác thuộc lĩnh vực, ngành, nghề, địa bàn, các dự án có nguy cơ rủi ro; giám sát, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước đối với Tập đoàn; phân tích các thuận lợi và rủi ro của phát triển Tập đoàn; giám sát và đánh giá việc thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn;

đ) Việc thực hiện các hoạt động giám sát khác không quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan, tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền thực hiện.

3. Các Bộ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này định kỳ hàng năm báo cáo thực trạng và kết quả giám sát, đánh giá cho Thủ tướng Chính phủ. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá của các Bộ, cơ quan, tổ chức được ủy quyền; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ.

Chương IV
TỔ CHỨC QUẢN LÝ TẬP ĐOÀN

Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tập đoàn

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Tập đoàn gồm có:

a) Hội đồng thành viên;

b) Tổng giám đốc;

c) Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

d) Bộ máy giúp việc, Ban Kiểm soát nội bộ.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Tập đoàn được quy định tại khoản 1 Điều này có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Mục 1
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 23. Chức năng và cơ cấu của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên: là cơ quan đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu nhà nước tại Tập đoàn; thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Tập đoàn và đối với các công ty do Tập đoàn đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác.

2. Hội đồng thành viên có quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Tập đoàn, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ hoặc phân cấp cho các cơ quan, tổ chức khác là đại diện chủ sở hữu thực hiện được quy định tại Điều 20 Điều lệ này.

3. Các thành viên Hội đồng thành viên cùng chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho Tập đoàn và chủ sở hữu, trừ thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này; thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

4. Hội đồng thành viên Tập đoàn có từ 05 đến 07 thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nhiệm kỳ của thành viên Hội

đồng thành viên không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại. Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên, số lượng thành viên chuyên trách và không chuyên trách của Hội đồng thành viên Tập đoàn. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là thành viên chuyên trách.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu Nhà nước đầu tư cho Tập đoàn. Tập đoàn có trách nhiệm tiếp nhận để thống nhất quản lý, quy hoạch, sử dụng diện tích đất Nhà nước giao để phát triển trồng cao su, trực tiếp kinh doanh hoặc giao cho các doanh nghiệp thành viên, công ty liên kết, đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp quản lý sử dụng; đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch và đúng mục đích sử dụng đất, thực hiện tốt nhất chiến lược phát triển diện tích trồng cao su theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động, phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.

3. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Tập đoàn, ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn; quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, quy hoạch sử dụng đất để phát triển trồng cao su hàng năm sau khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh của các công ty con do Tập đoàn sở hữu toàn bộ vốn điều lệ.

4. Quyết định các dự án đầu tư nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn của Tập đoàn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phân cấp cho Tổng giám đốc Tập đoàn, quyết định đầu tư các dự án trong kế hoạch đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

5. Quyết định việc sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ giữa Tập đoàn với các doanh nghiệp thành viên (nếu có); quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của công ty khác, bán tài sản của Tập đoàn có giá trị đến 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn và theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị vượt quá mức vốn điều lệ của Tập đoàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

7. Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn, quy hoạch, đào tạo lao động của Tập đoàn theo đề nghị của Tổng giám đốc.

8. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; quyết định mức lương đối với Tổng giám đốc; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc.

9. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ theo đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn; chấp thuận để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty đó.

10. Cử người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc.

11. Quyết định hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu.

12. Phê duyệt các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật:

a) Báo cáo tài chính hàng năm của Tập đoàn;

b) Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

13. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của pháp luật.

14. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp.

15. Quyết định thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý; quyết định trích lập và sử dụng các quỹ tập trung của Tập đoàn theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính Tập đoàn.

16. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh do Tổng giám đốc đề nghị phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn.

17. Thông qua kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất được Nhà nước giao cho các đơn vị thành viên để sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về đất đai và quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

18. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu khoa học và đào tạo trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

19. Tổ chức kiểm tra, giám sát Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Kiểm soát viên các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao theo quy định của Điều lệ Tập đoàn và phù hợp với Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn và pháp luật có liên quan.

20. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tập đoàn quy định tại khoản 9 Điều 11 Điều lệ này sau khi có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

21. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ; chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tập đoàn.

22. Kiến nghị chủ sở hữu quyết định hoặc phê chuẩn về những vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với Tập đoàn.

23. Thông qua để Tổng giám đốc quyết định:

a) Ký kết các hợp đồng kinh tế, thỏa thuận hợp tác theo phân cấp của Hội đồng thành viên;

b) Bảo lãnh cho mỗi khoản vay của các công ty con có giá trị trên mức vốn điều lệ của công ty xin bảo lãnh để thực hiện dự án đầu tư đã được duyệt hoặc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh theo hợp đồng đã ký kết theo quy định của pháp luật;

c) Góp vốn để thành lập mới công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo phân cấp của Hội đồng thành viên;

d) Các hợp đồng thuê, cho thuê; vay, cho vay có giá trị trên mức vốn điều lệ của các công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ theo phân cấp của Hội đồng thành viên;

đ) Bổ nhiệm các chức danh quản lý và điều hành theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

24. Hội đồng thành viên ban hành quy chế phân cấp theo từng lĩnh vực hoạt động cho Tổng giám đốc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp khoa

học công nghệ và cơ sở nghiên cứu đào tạo của Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các doanh nghiệp.

25. Tổ chức thực hiện sắp xếp, chuyển đổi Tập đoàn theo phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quyết định và tổ chức thực hiện các quyền của Tập đoàn quy định tại Điều lệ này.

26. Cử Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng.

27. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân cấp hoặc ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng thành viên

Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên.

5. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm do Điều lệ này quy định. Trong trường hợp này, Hội đồng thành viên có quyền đề nghị chủ sở hữu bổ sung, thành viên Hội đồng thành viên;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính Tập đoàn từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Tập đoàn;

d) Để Tập đoàn lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trong hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được theo quy định hiện hành của Nhà nước, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận do đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ;

đ) Trường hợp Tập đoàn lâm vào tình trạng phá sản mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản, Tập đoàn thuộc diện tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng giám đốc tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm.

2. Thành viên Hội đồng thành viên được thay thế trong những trường hợp sau đây:

a) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác;

c) Bị miễn nhiệm theo quy định của khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp thay thế Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên thì trong thời hạn 60 ngày Hội đồng thành viên phải họp để kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tập đoàn.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho Tập đoàn; ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; quản lý Tập đoàn theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

b) Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Tập đoàn để trình Hội đồng thành viên;

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng thành viên;

d) Thay mặt Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền cho các thành viên khác của Hội đồng thành viên ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; có quyền thay mặt Hội đồng thành viên đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc Tập đoàn trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

e) Thay mặt Hội đồng thành viên Tập đoàn quan hệ với bên đối tác thứ ba trong trường hợp Tập đoàn đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam thực hiện các hoạt động chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam hoặc các hoạt động khác nhân danh Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên;

g) Có thể ủy quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng thành viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên khi Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt;

h) Các quyền khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng thành viên và Thủ tướng Chính phủ.

Điều 28. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Hội đồng thành viên có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Hội đồng thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng thành viên. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất năm (05) ngày.

3. Các cuộc họp lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng thành viên hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên dự họp biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định theo bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp. Các thành viên Hội đồng thành viên biểu quyết mọi vấn đề theo phương thức "đồng ý" và "không đồng ý" (không áp dụng phiếu trắng). Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình, được ghi trong biên bản cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền kiến nghị lên chủ sở hữu.

4. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên có quyền hoặc có trách nhiệm mời đại diện có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình nghị sự. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu (nếu có) của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi thành biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có tính bắt buộc thi hành đối với Tập đoàn.

6. Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên bằng một trong hai cách: biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không thể tổ chức họp.

7. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ viên chức quản lý trong Tập đoàn, cán bộ viên chức quản lý trong các công ty con do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc nghị quyết của Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

8. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của Tập đoàn để thực hiện nhiệm vụ của mình.

9. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao khác, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn.

10. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn.

Điều 29. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách của Hội đồng thành viên

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên hưởng chế độ tiền lương theo năm; các thành viên không chuyên trách hưởng thù lao theo công việc, theo thời gian làm việc. Các thành viên Hội đồng thành viên hưởng chế độ thưởng theo nhiệm kỳ. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn và kết quả hoạt động quản lý.

2. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên được tạm ứng 70% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Hàng năm, các thành viên Hội đồng thành viên được tạm ứng 70% tổng số tiền thưởng của năm; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ;

b) Số 30% tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các thành viên Hội đồng thành viên căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn và các quy định khác của pháp luật.

Mục 2
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Chức năng của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Tập đoàn, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ Tập đoàn và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 31. Tuyển chọn, bổ nhiệm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng; cách chức, khen thưởng, kỷ luật sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản.

2. Tổng giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại.

3. Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật.

4. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát nội bộ, Kế toán trưởng, Thủ quỹ Tập đoàn, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Tổng giám đốc Tập đoàn;

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Miễn nhiệm, thay thế Tổng giám đốc

Hội đồng thành viên quyết định việc thay thế, miễn nhiệm trước thời hạn với Tổng giám đốc trong các trường hợp được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

1. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để Tập đoàn lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu giao trong hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp sau: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ theo kế hoạch do đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) Tập đoàn lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng thành viên giao;

d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tập đoàn;

đ) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm do Điều lệ này quy định.

2. Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc được bố trí công việc khác;

c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Khi không đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển Tập đoàn; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành, nghề do Tập đoàn kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam; chuẩn bị các dự án đầu tư, các đề án tổ chức, quản lý; dự thảo Điều lệ, sửa đổi Điều lệ Tập đoàn; dự thảo Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn, các quy chế, quy định quản lý nội bộ Tập đoàn; xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá tiền lương; chuẩn bị các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các phương án đề phòng rủi ro, các phương án huy động và sử dụng vốn; chuẩn bị các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, báo cáo tài chính của Tập đoàn, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các đề án, dự án khác.

2. Trình Hội đồng thành viên để Hội đồng thành viên trình Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc quyền của chủ sở hữu đối với Tập đoàn.

3. Trình Hội đồng thành viên Tập đoàn xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

4. Cử cán bộ, viên chức, công nhân, người lao động của Tập đoàn, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Kiểm soát viên công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc của công ty con 100% vốn của Tập đoàn, đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng; quyết định mời, đón tiếp các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với Tập đoàn; ủy quyền cho Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc của công ty con 100% vốn của Tập đoàn, đơn vị phụ thuộc Tập đoàn cử cán bộ, viên chức, công nhân, người lao động của đơn vị mình ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng và tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với đơn vị mình.

5. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán tài sản của Tập đoàn theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên Tập đoàn và các quy định khác của pháp luật.

6. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc Tập đoàn.

7. Ký quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Thủ trưởng đơn vị, Kế toán trưởng các đơn vị sự nghiệp, đơn vị phụ thuộc sau khi được Hội đồng thành viên chấp thuận bằng văn bản.

8. Ký quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng với Phó Trưởng các Ban, Phó Chánh Văn phòng, Phó Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp, đơn vị phụ thuộc do Tập đoàn sở hữu toàn bộ vốn điều lệ theo đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị.

9. Quyết định các vấn đề được Hội đồng thành viên Tập đoàn phân công hoặc ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

10. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị dưới mức vốn điều lệ của Tập đoàn và theo quy định của pháp luật.

11. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của Tập đoàn để góp vốn, mua cổ phần của các công ty trong nước có giá trị theo mức phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên Tập đoàn và các quy định khác của pháp luật.

12. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh theo phân cấp của Hội đồng thành viên Tập đoàn.

13. Đề nghị Hội đồng thành viên Tập đoàn quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với các chức danh: Phó

Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tập đoàn, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn nắm 100% vốn điều lệ.

14. Đề nghị Hội đồng thành viên quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn ở doanh nghiệp khác.

15. Tổ chức điều hành kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động hàng ngày; kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam; công tác kiểm toán, thanh tra, bảo vệ, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và chủ sở hữu; điều hành hoạt động của Tập đoàn nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng thành viên.

16. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp thành viên theo sự phân công hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên.

17. Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của Tập đoàn. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên.

18. Báo cáo Hội đồng thành viên về kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

19. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên, các Kiểm soát viên, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

20. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

21. Được hưởng chế độ tiền lương theo năm. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn do Hội đồng thành viên quyết định theo quy định hiện hành của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan. Chế độ thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng được thực hiện như đối với các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên.

22. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ này và theo quyết định của Hội đồng thành viên Tập đoàn.

Mục 3
NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tập đoàn

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tập đoàn thì Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc quý và năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Tập đoàn cho Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Điều 35. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn, quyết định của chủ sở hữu Tập đoàn trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn và chủ sở hữu Tập đoàn;

c) Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và chủ sở hữu Tập đoàn. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tập đoàn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tập đoàn để thu lợi riêng cho bản thân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Không được đem tài sản của Tập đoàn cho người khác; tiết lộ bí mật của Tập đoàn trong thời gian đang thực hiện chức trách là

thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc và trong thời hạn tối thiểu là ba năm sau khi thôi làm thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng thành viên chấp thuận;

d) Khi Tập đoàn không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng thành viên, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Tập đoàn cho tất cả chủ nợ biết. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động;

đ) Khi Tập đoàn không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm d khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ;

e) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tập đoàn và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g) Không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Tập đoàn. Phải báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Tập đoàn ký kết với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Tập đoàn và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên, kết quả và hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Tập đoàn, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

a) Để Tập đoàn lỗ;

b) Để mất vốn nhà nước;

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;

d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở Tập đoàn theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình mà dẫn đến một trong các vi phạm tại khoản 4 Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp để Tập đoàn lâm vào tình trạng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Điều lệ này thì tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả, Chủ tịch Hội đồng thành viên bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Tập đoàn lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm.

8. Trường hợp Tập đoàn thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm.

Điều 36. Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn

Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn cần xây dựng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động với những nội dung chính sau:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn.

2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng thành viên cho Tổng giám đốc Tập đoàn.

3. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng thành viên và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng thành viên.

4. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng thành viên với Tổng giám đốc.

6. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát nội bộ.

7. Các hợp đồng, giao dịch của Tập đoàn với những người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Doanh nghiệp phải được Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn xem xét, quyết định theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết.

8. Phối hợp hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát giữa các thành viên Hội đồng thành viên, các thành viên Ban Kiểm soát nội bộ và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể:

a) Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ cần thể hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát và đánh giá toàn diện trước, trong và sau mọi hoạt động của Tập đoàn;

b) Tổng giám đốc khi trình những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng thành viên, cũng đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát nội bộ theo phương thức như đối với Hội đồng thành viên;

c) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn để thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác thông qua người đại diện phần vốn của Tập đoàn và các quyền của cổ đông, bên góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hội đồng thành viên Tập đoàn;

đ) Các nhiệm vụ khác sẽ được bổ sung vào Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ.

9. Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát nội bộ và Tổng giám đốc Tập đoàn cần thường xuyên thông báo tình hình, kết quả hoạt động cho nhau.

Mục 4

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 37. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tập đoàn có các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng, do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.

2. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc trong việc điều hành Tập đoàn; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng giám đốc giao phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc ủy quyền có liên quan đến ký kết hợp đồng hoặc liên quan đến sử dụng con dấu của Tập đoàn đều phải thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Tập đoàn; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Tập đoàn theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

5. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và của Tập đoàn.

Điều 38. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các Ban chuyên môn, nghiệp vụ (sau đây gọi chung là các Ban tham mưu) có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tập đoàn cũng như trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, của cổ đông, của thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác.

2. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Ban tham mưu do Tổng giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

Mục 5
KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 39. Kiểm soát nội bộ

1. Tập đoàn có Ban kiểm soát nội bộ do Hội đồng thành viên quyết định thành lập, trực thuộc Hội đồng thành viên.

2. Ban kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ giúp Hội đồng thành viên trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành trong Tập đoàn; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn và của các doanh nghiệp trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam.

3. Hội đồng thành viên quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.

Mục 6
HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THAM GIA QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG TẬP ĐOÀN

Điều 40. Hình thức tham gia quản lý doanh nghiệp của người lao động

Người lao động trong Tập đoàn tham gia quản lý doanh nghiệp thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức các cấp của Tập đoàn.

2. Tổ chức Công đoàn Tập đoàn.

3. Ban Thanh tra nhân dân.

4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Nội dung tham gia quản lý Tập đoàn của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất Tập đoàn.

2. Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu Tập đoàn.

3. Các nội quy, quy chế của Tập đoàn liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất, tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Tập đoàn.

5. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

6. Thông qua Đại hội đại biểu công nhân viên chức và tổ chức Công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thỏa ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng giám đốc;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Tập đoàn có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước;

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban thanh tra nhân dân;

d) Bầu Ban thanh tra nhân dân.

Chương V
TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU QUỐC GIA VIỆT NAM, QUAN HỆ CỦA TẬP ĐOÀN VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Mục 1
TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU QUỐC GIA VIỆT NAM

Điều 42. Nguyên tắc quản lý, điều hành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam được quản lý, điều hành kết hợp theo các phương thức sau:

1. Quản lý, điều hành thông qua Tập đoàn.

2. Quản lý, điều hành thông qua các hình thức đầu tư, liên kết.

3. Quản lý, điều hành thông qua thỏa thuận, hợp tác sử dụng dịch vụ chung trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam theo nguyên tắc thị trường.

Điều 43. Quản lý, điều hành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam thông qua Tập đoàn

1. Tập đoàn đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam thực hiện các hoạt động chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam trong quan hệ với bên thứ ba trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác nhân danh Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập đoàn sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn tại các công ty con, công ty liên kết và quyền của cổ đông, thành viên để phối hợp, định hướng hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam:

a) Sử dụng bộ máy quản lý, điều hành tại Tập đoàn hoặc thành lập bộ phận riêng để nghiên cứu, hoạch định chiến lược, đề xuất giải pháp phối hợp, định hướng các hoạt động quy định tại khoản 3 Điều này để trình Hội đồng thành viên Tập đoàn thông qua; thông qua người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn thực hiện các nội dung phối hợp, định hướng quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Thông qua việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên kết cùng các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn để phối hợp, định hướng hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam;

c) Xây dựng các quy chế thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam.

3. Nội dung phối hợp, định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam bao gồm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam; định hướng chiến lược kinh doanh của các công ty con theo chiến lược phát triển chung; kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tập đoàn; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam;

b) Phân loại doanh nghiệp thành viên Tập đoàn theo vị trí và tầm quan trọng trong chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam; xác định danh mục ngành, nghề kinh doanh chính, danh mục doanh nghiệp thành viên chủ chốt; định hướng doanh nghiệp thành viên theo ngành, nghề kinh doanh chính; quản lý và định hướng người đại diện đảm bảo quyền chi phối của Tập đoàn tại các doanh nghiệp chủ chốt, chống lại việc thôn tính của các Tập đoàn kinh tế hoặc doanh nghiệp khác;

c) Định hướng kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm, dài hạn của các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn;

d) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, sử dụng thương hiệu, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn theo chính sách chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam;

đ) Xây dựng và thực hiện quy chế quản lý thương hiệu Tập đoàn; định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn;

e) Định hướng về tổ chức, cán bộ đối với các công ty con;

g) Định hướng nội dung Điều lệ, kiểm soát cơ cấu vốn điều lệ của công ty con;

h) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia quản lý, điều hành ở công ty con. Ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện theo ủy quyền; quy định những vấn đề phải được Tập đoàn thông qua trước khi người đại diện theo ủy quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn;

i) Làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn để thực hiện đấu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn cùng thỏa thuận và thực hiện;

k) Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn;

l) Phối hợp hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro; hỗ trợ hoạt động tài chính cho các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn khi được các doanh nghiệp này đề nghị;

m) Phối hợp thực hiện các công việc hành chính, các giao dịch với các đối tác cho các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn khi được các doanh nghiệp này đề nghị; thực hiện nhiệm vụ công ích và các công việc do Nhà nước giao cho Tập đoàn;

n) Thiết lập, kết nối mạng lưới thông tin toàn bộ các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam;

o) Xây dựng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn;

p) Tham vấn các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn trong thực hiện các hoạt động chung;

q) Tổ chức việc thực hiện giám sát định hướng, điều hòa, phối hợp giữa các bộ phận trong Tập đoàn;

r) Các hoạt động khác phù hợp với đặc điểm của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn.

4. Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định pháp luật; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp mình; chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng liên kết, thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

5. Việc phối hợp, định hướng trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam phải phù hợp với quy định của pháp luật; Điều lệ của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn; quyền của chủ sở hữu tại Tập đoàn hoặc thỏa thuận giữa Tập đoàn với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn; vị trí của Tập đoàn đối với từng hoạt động phối hợp với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn.

6. Trường hợp Tập đoàn lạm dụng vị thế của mình, can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông hoặc trái với các cam kết và thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Tập đoàn, làm tổn hại đến lợi ích của các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn, các bên có liên quan, thì Tập đoàn và những người có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm của Tập đoàn trong quản lý, điều hành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam

1. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về bảo đảm mục tiêu kinh doanh ngành, nghề chính và các mục tiêu khác do Nhà nước giao cho Tập đoàn. Chịu sự giám sát

của đại diện chủ sở hữu về danh mục đầu tư, các dự án đầu tư vào các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán.

2. Quản lý danh mục đầu tư tại Tập đoàn nhằm đảm bảo điều kiện về đầu tư và cơ cấu ngành, nghề theo quy định; theo dõi, giám sát danh mục đầu tư của Tập đoàn tại các công ty con; theo dõi, giám sát ngành, nghề kinh doanh của các công ty con.

3. Cung cấp thông tin và báo cáo các nội dung quy định tại Điều lệ này.

4. Thiết lập tổ chức cung cấp dịch vụ cho các thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam.

5. Báo cáo cơ quan quản lý cạnh tranh và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý cạnh tranh về tập trung kinh tế trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam.

6. Thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp phù hợp với hình thức pháp lý đã đăng ký và các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

7. Xây dựng và thực hiện hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn. Hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động đối với người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Có các chỉ tiêu chính cho mỗi chức danh;

b) Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động;

c) Có cơ chế khuyến khích;

d) Có các chế tài xử lý vi phạm.

8. Xây dựng và thực hiện chính sách nhân sự quản lý tại Tập đoàn và đối với người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn. Chính sách nhân sự quản lý phải bao gồm:

a) Các tiêu chuẩn về kinh nghiệm và trình độ quản lý;

b) Phương pháp và quy trình tuyển chọn (kể cả thi tuyển), bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý thuộc quyền của Tập đoàn; tuyển chọn, đề cử để cấp có thẩm quyền lựa chọn, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý của Tập đoàn; tuyển chọn, đề cử để doanh nghiệp có vốn của Tập đoàn bầu vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên doanh nghiệp đó; tuyển chọn (kể cả thi tuyển), bổ nhiệm người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại doanh nghiệp khác;

c) Hệ thống đánh giá hiệu quả quản lý áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt tại Tập đoàn, công ty con và người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp trong toàn Tập đoàn;

d) Nguyên tắc và phương pháp trả lương và thưởng có tính cạnh tranh;

đ) Các chế tài xử lý vi phạm.

9. Hướng dẫn công ty con để hình thành các quỹ tập trung và hệ thống điều hành, hạch toán thống nhất.

Điều 45. Quản lý, điều hành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam thông qua các hình thức đầu tư, liên kết, giao dịch, trao đổi thông tin

Các doanh nghiệp thành viên trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam có thể sử dụng các hình thức sau để liên kết với nhau:

1. Đầu tư, mua bán sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ về công nghệ; phát triển thương hiệu giữa các thành viên với nhau.

2. Thỏa thuận về cơ chế tín dụng nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam; cơ chế bảo lãnh tín dụng; hình thành quỹ tập trung theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức hội nghị hoặc các cuộc họp tham vấn:

a) Giữa người quản lý, điều hành tại Công ty mẹ với người đại diện phần vốn của mình tại các doanh nghiệp thành viên để định hướng, điều hòa, phối hợp các hoạt động;

b) Giữa các bộ phận chức năng của Công ty mẹ và của các doanh nghiệp thành viên để triển khai các vấn đề chuyên môn.

4. Điều chuyển người đại diện phần vốn là cán bộ lãnh đạo giữa các doanh nghiệp thành viên.

Điều 46. Quy định về hạn chế đầu tư và về ngành, nghề kinh doanh trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam

1. Doanh nghiệp bị chi phối thì không được mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp giữ quyền chi phối trong Tập đoàn.

2. Việc đầu tư vốn ra ngoài Tập đoàn thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn và theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tập đoàn, các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn được đăng ký những ngành, nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, nhưng phải tập trung đầu tư và hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề kinh doanh chính và ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; chịu sự giám sát của chủ sở hữu nhà nước về việc đầu tư, tỷ lệ vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư vào ngành, nghề kinh doanh

chính, ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính và ngành, nghề không liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính.

Chủ sở hữu nhà nước quyết định việc kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh; quyết định việc điều chỉnh hoặc thay đổi đối với các ngành, nghề kinh doanh; giám sát kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh chính, các ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính, ngành, nghề không liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính.

4. Trường hợp Tập đoàn trực tiếp hoặc thông qua công ty con kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh không liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính thì phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh ngành, nghề chính được chủ sở hữu giao; không ảnh hưởng đến nhiệm vụ kinh doanh ngành, nghề chính và việc mở rộng, phát triển ngành, nghề kinh doanh chính;

b) Sử dụng hoạt động và kết quả kinh doanh các ngành, nghề không liên quan để hỗ trợ và phát triển các ngành, nghề kinh doanh chính;

c) Thực hiện nghĩa vụ báo cáo và chịu sự giám sát của đại diện chủ sở hữu nhà nước về đầu tư, hiệu quả đầu tư và tác động của việc kinh doanh các ngành, nghề không liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính.

Mục 2
QUAN HỆ CỦA TẬP ĐOÀN VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÁC DOANH NGHIỆP THAM GIA TẬP ĐOÀN

Điều 47. Quan hệ giữa Tập đoàn và các đơn vị sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao. Đơn vị sự nghiệp được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn.

2. Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán tài sản, hợp đồng thuê, cho thuê, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo Quy chế phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên Tập đoàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 48. Quan hệ giữa Tập đoàn với các công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Các công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm:

a) Tổng công ty do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

c) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ;

d) Công ty ở nước ngoài do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Các công ty nêu tại khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình công ty đó. Riêng Công ty Tài chính của Tập đoàn được tổ chức, hoạt động và quan hệ với Tập đoàn theo pháp luật về tổ chức tín dụng, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ hoạt động do Hội đồng thành viên Tập đoàn thông qua và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

3. Tập đoàn là chủ sở hữu của các công ty nêu tại khoản 1 Điều này. Hội đồng thành viên Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty này. Hội đồng thành viên giao Tổng giám đốc Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà công ty báo cáo Tập đoàn để trình Hội đồng thành viên thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty con;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại công ty.

4. Quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn đối với công ty nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các khoản có liên quan được quy định tại Điều lệ này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; Tổng giám đốc/Giám đốc công ty (đối với công ty không có Hội đồng thành viên) theo quy mô hoạt động và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Quyết định mô hình tổ chức và cơ cấu quản lý, các hình thức và biện pháp tổ chức lại công ty theo quy định tại Điều lệ của công ty; thành lập, tổ chức lại, giải thể các chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, đơn vị phụ thuộc, bộ máy giúp việc, công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của công ty;

c) Quyết định các hình thức đầu tư ra ngoài và bán tài sản có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của công ty được công bố tại quý gần nhất hoặc một giá trị khác được quy định tại Điều lệ của công ty; thông qua và trình cấp có thẩm quyền cho phép công ty đầu tư ra nước ngoài;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đánh giá hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh, tài chính của công ty;

đ) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ của công ty nhưng không trái với Điều lệ này.

5. Công ty nêu tại khoản 1 Điều này có quyền ký kết hợp đồng, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức và nhân sự... theo quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty; phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên Tập đoàn.

6. Giám đốc, Chủ tịch hoặc Hội đồng thành viên công ty quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán tài sản, hợp đồng thuê, cho thuê, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo Quy chế phân cấp, ủy quyền của Hội đồng thành viên Tập đoàn, Điều lệ của các công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 49. Quan hệ giữa Tập đoàn với các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Tập đoàn giữ quyền chi phối

1. Công ty con là: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài do Tập đoàn chi phối gồm:

a) Các công ty có trên 50% vốn điều lệ là cổ phần hoặc vốn góp của Tập đoàn;

b) Công ty con có vốn góp của Tập đoàn bằng hoặc nhỏ hơn 50% vốn điều lệ (cổ phần hoặc vốn góp), nhưng bị Tập đoàn chi phối bởi một trong các yếu tố như: thị trường, bí quyết công nghệ, thương hiệu, quản lý quy hoạch sử dụng đất đai và các yếu tố khác theo quy định của pháp luật.

2. Các công ty bị chi phối nêu tại khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của loại hình doanh nghiệp đó.

3. Tập đoàn là chủ sở hữu cổ phần, vốn góp của Tập đoàn tại các công ty bị chi phối nêu tại khoản 1 Điều này. Hội đồng thành viên Tập đoàn thực hiện các quyền

và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn hoặc cổ phần của Tập đoàn tại các công ty này.

4. Quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn đối với các công ty nêu tại khoản 1 Điều này được quy định tại Điều lệ này và những quy định sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện tại công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty;

b) Cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn;

c) Yêu cầu người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty;

d) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện phần vốn góp tại công ty xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty; báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tập đoàn;

đ) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của Tập đoàn ở doanh nghiệp;

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào công ty;

g) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào công ty;

h) Định hướng việc lựa chọn công nghệ mới, xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su và sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch và quy hoạch của Tập đoàn;

i) Phối hợp nghiên cứu khoa học công nghệ; định hướng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, khai thác thị trường trong và ngoài nước;

k) Sử dụng thương hiệu Tập đoàn theo quy định của pháp luật có liên quan;

l) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công ích nhà nước giao hoặc đặt hàng;

m) Tổng giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm: tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà công ty báo cáo Tập đoàn để trình Hội đồng thành viên xem xét, thông qua hoặc quyết định; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Tập đoàn đối với công ty; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại công ty.

5. Công ty nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định dưới đây:

a) Công ty nêu tại khoản 1 Điều này có các quyền sau đây:

- Tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết với Tập đoàn và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam;

- Được tham gia các hình thức đầu tư với Tập đoàn hoặc các đơn vị thành viên khác trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Quốc gia Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Được Tập đoàn giao thực hiện các hợp đồng kinh doanh, các dự án đầu tư trên cơ sở hợp đồng ký kết và thỏa thuận với Tập đoàn.

b) Khi thực hiện các hoạt động nêu tại điểm a khoản này, công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện các cam kết trong hợp đồng đã ký;

- Thực hiện các quy chế, quy định, quy trình, quy phạm, các chỉ tiêu, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật, các hướng dẫn có liên quan do Tập đoàn ban hành;

- Chịu sự giám sát, hướng dẫn, đôn đốc của cơ quan quản lý, điều hành của Tập đoàn;

- Thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng cho người đại diện.

Điều 50. Quan hệ giữa Tập đoàn với công ty liên kết

1. Công ty liên kết của Tập đoàn: là công ty mà Tập đoàn có cổ phần, vốn góp bằng hoặc nhỏ hơn 50% vốn điều lệ.

2. Các công ty liên kết có thể là công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam hoặc công ty ở nước ngoài. Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các công ty liên kết theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài, theo Điều lệ công ty và các điều khoản liên quan của Điều lệ này.

3. Tập đoàn quản lý cổ phần, vốn góp thông qua người đại diện; thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, bên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

4. Tập đoàn quan hệ với công ty liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác cao su; đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của Tập đoàn trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Điều 51. Quan hệ giữa Tập đoàn với công ty tự nguyện liên kết

1. Công ty tự nguyện liên kết bao gồm các công ty ở trong nước và các công ty ở nước ngoài, là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Tập đoàn nhưng tự nguyện liên kết với Tập đoàn trên cơ sở thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết.

2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tập đoàn và các đơn vị thành viên khác của Tập đoàn theo thỏa thuận hoặc hợp đồng.

3. Tập đoàn quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của Tập đoàn trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Điều 52. Quan hệ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn và quan hệ giữa đơn vị thành viên với đơn vị phụ thuộc

1. Quan hệ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn:

a) Quan hệ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn thực hiện trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền ký kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của đơn vị;

b) Quan hệ giữa các đơn vị sự nghiệp với các đơn vị thành viên khác của Tập đoàn thực hiện trên cơ sở hợp đồng hoặc thỏa thuận, cam kết theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp;

c) Các công ty con, công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết có trách nhiệm thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và những ràng buộc quy định tại các quy trình quy phạm và hợp đồng hoặc cam kết giữa các bên, các ràng buộc về chỉ tiêu và tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo đảm chất lượng sản phẩm và định hướng phát triển diện tích trồng cao su, chất lượng hàng hóa và thị trường xuất khẩu.

2. Quan hệ giữa đơn vị thành viên với đơn vị phụ thuộc:

Các đơn vị phụ thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền ký kết hợp đồng với các đơn vị thành viên của Tập đoàn theo quy định của Điều lệ và các quy định quản lý của Tập đoàn.

Quan hệ giữa các đơn vị thành viên với các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn thực hiện trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi phù hợp với phân cấp hoặc ủy quyền của Tập đoàn đối với đơn vị phụ thuộc.

Điều 53. Vốn của Tập đoàn tại công ty con, công ty liên kết

1. Vốn của Tập đoàn tại các công ty con, công ty liên kết, bao gồm: vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của Tập đoàn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

2. Vốn Nhà nước đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho Tập đoàn quản lý.

3. Vốn tái đầu tư từ lợi tức được chia.

4. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn trong quản lý cổ phần, vốn góp tại công ty con, công ty liên kết

1. Hội đồng thành viên Tập đoàn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của:

a) Chủ sở hữu tại các công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ;

b) Chủ sở hữu cổ phần, vốn góp tại công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn trong quản lý cổ phần, vốn góp tại công ty con, công ty liên kết do Hội đồng thành viên Tập đoàn thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau đây:

a) Quyết định đầu tư, góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư hoặc cổ phần, vốn góp theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ của công ty mà Tập đoàn có cổ phần, vốn góp;

b) Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện, kiểm soát viên của Tập đoàn tại công ty con; giới thiệu người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của các công ty có vốn góp, cổ phần của Tập đoàn phù hợp với các quy định tại Điều lệ của công ty và pháp luật liên quan tại Việt Nam và ở nước ngoài;

c) Quyết định giao số cổ phần, vốn góp tương ứng với số phiếu biểu quyết cho người đại diện;

d) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo, yêu cầu người đại diện:

- Định hướng công ty thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn;

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả đầu tư, sản xuất, kinh doanh và các nội dung khác;

- Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có cổ phần, vốn góp của Tập đoàn để xin ý kiến trước khi biểu quyết;

- Báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, quyền quyết định về thị trường, bí quyết công nghệ và những vấn đề khác để phục vụ mục tiêu và định hướng phát triển của Tập đoàn.

đ) Giải quyết những đề nghị của người đại diện của Tập đoàn tại công ty con, công ty liên kết;

e) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp ở các công ty con, công ty liên kết. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do Tập đoàn quyết định sử dụng để phục vụ cho các mục tiêu đầu tư, kinh doanh của Tập đoàn. Trường hợp tổ chức lại Tập đoàn thì việc quản lý phần vốn góp, cổ phần này thực hiện theo quy định của pháp luật;

g) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của Tập đoàn và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Tập đoàn tại các công ty con, công ty liên kết;

h) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện

1. Người được Hội đồng thành viên Tập đoàn cử làm người đại diện phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và phải là người của Tập đoàn hoặc đơn vị thành viên hoặc là người có quan hệ hợp đồng với Tập đoàn hoặc đơn vị thành viên;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của Tập đoàn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; đối với người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tập đoàn tại công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài, ngoài trình độ chuyên môn quy định tại điểm này phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với đối tác nước ngoài trong doanh nghiệp không cần phiên dịch;

đ) Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc của Tập đoàn, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của Tập đoàn mà người đó được giao trực tiếp quản lý cổ phần hoặc vốn góp.

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của Tập đoàn mà người đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có cổ phần mua ưu đãi khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;

g) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

h) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

2. Người đại diện tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của Tập đoàn phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp khác theo Điều lệ của doanh nghiệp này.

2. Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Hội đồng thành viên Tập đoàn, nhất là trong trường hợp là cổ đông, bên góp vốn chi phối.

3. Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp và Điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thành viên Tập đoàn về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng thành viên Tập đoàn giao.

4. Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi vốn Tập đoàn tại doanh nghiệp khác gồm: vốn cho người lao động vay để mua cổ phần, bán chịu cổ phần cho người lao động, chia cổ phần cho người lao động để hưởng cổ tức, chuyển nhượng cổ phần của Nhà nước, thu cổ tức và các khoản được chia khác từ vốn góp vào doanh nghiệp khác.

5. Người đại diện tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Hội đồng thành viên Tập đoàn phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức… người đại diện phải chủ động báo cáo Hội đồng thành viên Tập đoàn cho ý kiến bằng văn bản; người đại diện có trách nhiệm phát biểu trong cuộc họp và biểu quyết theo

ý kiến chỉ đạo của Hội đồng thành viên Tập đoàn. Trường hợp có nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải thống nhất thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng thành viên Tập đoàn.

6. Người đại diện ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Tập đoàn phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của Tập đoàn; sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết để quyết định việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh tại doanh nghiệp khác. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của Tập đoàn phải báo cáo ngay Hội đồng thành viên Tập đoàn và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Hội đồng thành viên Tập đoàn thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Hội đồng thành viên Tập đoàn giao.

8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên Tập đoàn về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tập đoàn thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

1. Người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành hoặc là người lao động doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả. Ngoài ra còn được hưởng phụ cấp người đại diện do chủ sở hữu chi trả theo quy định. Nguồn phụ cấp người đại diện được lấy từ lợi nhuận được chia từ vốn đầu tư góp vào doanh nghiệp khác.

2. Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định do chủ sở hữu vốn chi trả. Ngoài ra còn được hưởng phụ cấp người đại diện do chủ sở hữu chi trả theo quy định.

Trường hợp người đại diện được các doanh nghiệp khác trả thù lao thì người đại diện có trách nhiệm nộp các khoản thù lao trên cho chủ sở hữu.

3. Người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn

bản cho chủ sở hữu. Chủ sở hữu quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của chủ sở hữu.

Trường hợp người đại diện được cử làm đại diện phần vốn đầu tư tại nhiều đơn vị, thì được ưu tiên chọn thực hiện quyền mua tại 01 đơn vị. Người đại diện phần vốn đầu tư tại công ty cổ phần có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần còn lại cho chủ sở hữu.

Trường hợp người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần thì bị xem xét miễn nhiệm tư cách đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác và phải chuyển nhượng lại cho chủ sở hữu số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi được mua trái với quy định theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho chủ sở hữu phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

Chương VI
CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 58. Vốn, tài sản và các quỹ

1. Vốn của Tập đoàn bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại Tập đoàn, vốn do Tập đoàn tự huy động và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn bao gồm: vốn ngân sách nhà nước cấp và vốn tự bổ sung từ lợi nhuận sau thuế.

3. Vốn điều lệ của Tập đoàn là vốn do Nhà nước đầu tư tại thời điểm thành lập được ghi tại Quyết định số 981/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và vốn điều lệ bổ sung trong quá trình hoạt động được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp, bao gồm: vốn tại Tập đoàn, đơn vị sự nghiệp, vốn Tập đoàn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết.

4. Tập đoàn là đơn vị trực tiếp nhận vốn Nhà nước đầu tư vào các dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, phát triển kinh doanh các ngành, nghề theo đăng ký kinh doanh do Tập đoàn làm chủ đầu tư. Tập đoàn được quyền đầu tư, điều

chỉnh vốn đầu tư vào đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết căn cứ vào nhu cầu và hiệu quả kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Tài sản của Tập đoàn được hình thành từ vốn điều lệ của Tập đoàn, vốn vay, các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

6. Các quỹ tập trung của Tập đoàn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính.

Điều 59. Điều chỉnh vốn điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ có thể tăng lên từ các nguồn sau:

a) Lợi nhuận sau thuế;

b) Vốn do chủ sở hữu đầu tư bổ sung;

c) Vốn do chủ sở hữu giao.

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ Tập đoàn do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Tập đoàn phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ và thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chủ sở hữu Tập đoàn chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Tập đoàn dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn.

Điều 60. Điều chỉnh vốn góp của Tập đoàn tại các đơn vị thành viên

1. Đối với các đơn vị thành viên do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ: Tập đoàn được rút vốn đã đầu tư vào các đơn vị thành viên trong trường hợp tổ chức lại các đơn vị thành viên nhưng phải đảm bảo khả năng thanh toán của các đơn vị thành viên và không thấp hơn mức vốn pháp định do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ thì Tập đoàn chỉ được rút vốn thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn cho các tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với các công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Tập đoàn, công ty liên kết:

a) Tập đoàn có quyền rút vốn đã đầu tư thông qua phương thức bán lại số vốn đã đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;

b) Tập đoàn có quyền bổ sung, điều chuyển vốn đầu tư vào công ty có cổ phần, vốn góp của Tập đoàn, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận

Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Tập đoàn được thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 62. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán và thống kê

1. Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Tập đoàn xây dựng hệ thống phần mềm kế toán và tiêu chuẩn cung cấp thông tin kế toán để áp dụng thống nhất trong toàn Tập đoàn. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu biểu mẫu kế toán thống kê định kỳ.

3. Tổng giám đốc trình Hội đồng thành viên phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính năm sau của Tập đoàn để báo cáo chủ sở hữu và Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn quy định của pháp luật, sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc Tập đoàn phải trình Hội đồng thành viên báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo tài chính.

5. Các đơn vị thành viên phải lập và trình Tập đoàn báo cáo tài chính và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính pháp lý của số liệu báo cáo tài chính trình Tập đoàn.

6. Hội đồng thành viên Tập đoàn thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Tập đoàn; thông qua báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

7. Tập đoàn thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

8. Hội đồng thành viên của Tập đoàn thực hiện báo cáo chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Chương VII
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN TẬP ĐOÀN

Điều 63. Tổ chức lại Tập đoàn

Các hình thức tổ chức lại Tập đoàn bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

1. Việc tổ chức lại Tập đoàn do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định hình thức tổ chức lại Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Chuyển đổi sở hữu của Tập đoàn

1. Tập đoàn phải chuyển đổi sở hữu trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Kế hoạch, trình tự, thủ tục chuyển đổi Tập đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức chuyển đổi.

Điều 65. Giải thể Tập đoàn

1. Tập đoàn bị giải thể trong trường hợp sau:

a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn;

b) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Việc tiếp tục duy trì Tập đoàn là không cần thiết.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định giải thể Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 66. Phá sản Tập đoàn

Trong trường hợp Tập đoàn không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương VIII
SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TẬP ĐOÀN

Điều 67. Quyền tiếp nhận sổ sách và hồ sơ Tập đoàn

1. Định kỳ hàng quý, năm, Tập đoàn có trách nhiệm gửi báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước liên quan các báo cáo theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp đột xuất, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu (bằng văn bản), Tập đoàn phải cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền quản lý nhà nước và quyền của chủ sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài việc yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho các cuộc họp thường kỳ, đột xuất của Hội đồng thành viên, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các cán bộ, viên chức quản lý của Tập đoàn cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên.

3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức:

a) Chuẩn bị nội dung để Hội đồng thành viên thông qua báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật và của Tập đoàn.

4. Người lao động trong Tập đoàn có quyền tìm hiểu thông tin về Tập đoàn thông qua Hội nghị toàn thể người lao động hoặc Hội nghị đại biểu người lao động của Tập đoàn.

Điều 68. Công khai thông tin

1. Tổng giám đốc Tập đoàn là người quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin của Tập đoàn ra bên ngoài. Các Ban và bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quy định của Tập đoàn.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi các thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 69. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ của Tập đoàn được căn cứ theo Điều lệ này trên nguyên tắc hòa giải.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn, thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Hiệu lực và phạm vi thi hành

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Tập đoàn. Tất cả các cá nhân, các đơn vị thành viên của Tập đoàn có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày Quyết định phê duyệt có hiệu lực.

3. Các công ty con, đơn vị sự nghiệp, đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của đơn vị và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động.

4. Điều lệ hoặc Quy chế của công ty con, đơn vị sự nghiệp, đơn vị phụ thuộc không được trái với Điều lệ này.

5. Trong trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với quy định tại Điều lệ này thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Sinh Hùng

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN

(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 469/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam (RRIV).
2. Tạp chí Cao su Việt Nam.
3. Trung tâm Y tế Cao su.
4. Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.

Phụ lục II

DANH MỤC CÔNG TY DO TẬP ĐOÀN NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÔNG TY DO TẬP ĐOÀN CHI PHỐI

(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 469/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÔNG TY TNHH MTV DO TẬP ĐOÀN SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ

1. Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai
2. Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng
3. Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
4. Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
5. Công ty TNHH MTV Cao su Bà Rịa
6. Công ty TNHH MTV Cao su Krông Búk
7. Công ty TNHH MTV Cao su Ea Hleo
8. Công ty TNHH MTV Cao su Chư Pảh
9. Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông
10. Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang
11. Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê
12. Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum
13. Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận
14. Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị
15. Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam
16. Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi
17. Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh
18. Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh
19. Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa
20. Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam
21. Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam
22. Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
23. Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng

II. CÔNG TY CỔ PHẦN DO TẬP ĐOÀN GIỮ CỔ PHẦN, VỐN GÓP CHI PHỐI

1. Công ty cổ phần Cao su Tây Ninh
2. Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú
3. Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa
4. Công ty cổ phần Cao su Sa Thầy
5. Công ty cổ phần Cao su Sơn La
6. Công ty cổ phần Cao su Lai Châu
7. Công ty cổ phần Cao su Điện Biên
8. Công ty cổ phần Cao su Hà Giang
9. Công ty cổ phần Cao su Lai Châu II
10. Công ty cổ phần Quasa-Geruco
11. Công ty cổ phần VRG Long An
12. Công ty cổ phần Gỗ MDF-Geruco Quảng Trị
13. Công ty cổ phần Công nghiệp và xuất nhập khẩu cao su
14. Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hố Nai
15. Công ty cổ phần Thể thao Ngôi Sao Geru
16. Công ty cổ phần Kho vận và dịch vụ hàng hóa cao su
17. Công ty cổ phần Cơ khí Cao su
18. Công ty cổ phần VRG Phú Yên
19. Công ty cổ phần VRG Đaknông
20. Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn
21. Công ty cổ phần VRG Bảo Lộc
22. Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ và Du lịch Cao su
23. Công ty cổ phần Cao su Yên Bái
24. Công ty cổ phần Cao su Hòa Bình.

Phụ lục III

DANH MỤC CÔNG TY LIÊN KẾT

VÀ CÔNG TY DO TẬP ĐOÀN GÓP VỐN LIÊN DOANH

(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 469/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TẬP ĐOÀN

1. Công ty cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh
2. Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie
3. Công ty cổ phần Cao su Việt - Lào
4. Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie
5. Công ty cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie
6. Công ty cổ phần Phát triển Cao su Tân Biên - Kampongthom
7. Công ty cổ phần Cao su Bà Rịa - Kampongthom
8. Công ty cổ phần Cao su Chư Sê - Kampongthom
9. Công ty cổ phần Cao su Krông Búk - Ranatakiri
10. Công ty cổ phần Cao su Mang Yang - Ranatakiri
11. Công ty cổ phần Cao su Chư Prông - Stung Treng
12. Công ty cổ phần Cao su Bến Thành
13. Công ty cổ phần Thống Nhất
14. Công ty cổ phần Cảng hàng không quốc tế Long Thành
15. Công ty cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu
16. Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Vinaconex
17. Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su
18. Công ty cổ phần Xây dựng & Tư vấn đầu tư
19. Công ty cổ phần Xi măng FICO Tây Ninh
20. Công ty cổ phần EVN Quốc tế
21. Công ty cổ phần Điện Việt Lào
22. Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam

23. Tổng công ty cổ phần Xây dựng và Thủy lợi 4
24. NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội
25. Công ty Đầu tư phát triển VRG Long Thành
26. Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam
27. Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An
28. Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG-Dongwha
29. Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng VRG
30. Công ty TNHH BOT cơ sở hạ tầng Đồng Tháp
31. Công ty cổ phần Chứng khoán SHS
32. Công ty cổ phần Kỹ thuật xây dựng cơ bản
33. Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên
34. Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG
35. Công ty cổ phần BOT An Lộc - Hoa Lư
36. Công ty TNHH Visorutex.